

An Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 15-30cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 20-30cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 26/02 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước biến đổi chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống nhanh trong ngày đầu, sau lên chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước xuống nhanh trong ngày đầu, sau lên chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên nhanh trong ngày đầu do ảnh hưởng mưa nội đồng, sau xuống chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên chậm theo triều tới ngày 27/02. Đỉnh triều ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 28/02/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									27/02	28/02	01/03	02/03	03/03
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	125	-5	▼	-10	▼	11	▲	110	120	125	130	135
					Hmin	-20	-5	▼	3	▲	-36	▼	-23	-25	-27	-28	-25
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	135	-4	▼	-10	▼	22	▲	120	130	135	140	145
					Hmin	-33	-6	▼	2	▲	-22	▼	-36	-38	-40	-41	-38
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	121	-6	▼	4	▲	9	▲	105	115	120	125	130
					Hmin	26	-4	▼	2	▲	-15	▼	23	21	19	18	21
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	139	-8	▼	-15	▼	20	▲	125	135	140	145	150
					Hmin	-26	-8	▼	-5	▼	-35	▼	-29	-31	-33	-34	-31
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	146	-4	▼	-10	▼	30	▲	130	140	145	150	155
					Hmin	-31	-8	▼	2	▲	-9	▼	-34	-36	-38	-39	-36
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	138	-6	▼	-8	▼	21	▲	125	135	140	145	150
					Hmin	-30	-7	▼	4	▲	-26	▼	-33	-35	-37	-38	-35
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	40	9	▲	-10	▼	0	◀▶	50	52	48	44	40
					Hmin	6	2	▲	-11	▼	-9	▼	14	14	9	4	1
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	31	12	▲	-3	▼	2	▲	41	43	39	35	31
					Hmin	14	1	▲	-12	▼	-12	▼	28	26	21	16	14
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	40	13	▲	-2	▼	0	◀▶	50	52	48	44	40
					Hmin	20	1	▲	-15	▼	-14	▼	29	27	22	17	15
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	38	11	▲	-6	▼	1	▲	48	50	46	42	38
					Hmin	23	3	▲	-14	▼	-8	▼	34	32	27	22	20
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	49	12	▲	-3	▼	5	▲	59	61	57	53	49
					Hmin	36	6	▲	-9	▼	-1	▼	45	43	38	33	31
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	47	5	▲	-15	▼	5	▲	57	59	55	51	47
					Hmin	11	-1	▼	-16	▼	-7	▼	17	15	10	5	3
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	58	3	▲	-15	▼	17	▲	68	70	66	62	58
					Hmin	37	0	◀▶	-13	▼	6	▲	43	41	36	31	29
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	46	0	◀▶	-16	▼	-5	▼	56	58	54	50	46
					Hmin	33	-1	▼	-22	▼	-8	▼	39	37	32	27	25
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	28	7	▲	-9	▼	5	▲	38	40	36	32	28
					Hmin	10	1	▲	-15	▼	-6	▼	18	18	13	8	6
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	77	3	▲	-12	▼	19	▲	87	89	85	81	77
					Hmin	50	-2	▼	-16	▼	9	▲	56	54	49	44	42
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	110	5	▲	-5	▼	30	▲	120	122	118	114	110
					Hmin	48	-3	▼	-9	▼	4	▲	52	52	47	42	38
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	73	1	▲	-14	▼	8	▲	83	85	81	77	73
					Hmin	35	-5	▼	-20	▼	-9	▼	41	39	34	29	27

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	59	2	▲	-12	▼	1	▲	69	71	67	63	59
					Hmin	36	-3	▼	-17	▼	-6	▼	44	42	37	32	29
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	44	-2	▼	-11	▼	6	▲	54	56	52	48	44
					Hmin	24	-4	▼	-16	▼	5	▲	32	30	25	20	18
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	24	0	◀▶	-11	▼	-9	▼	28	26	24	22	20
					Hmin	-17	3	▲	-42	▼	1	▲	-18	-16	-13	-10	-6
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	58	-4	▼	4	▲	17	▲	64	63	60	55	48
					Hmin	-35	4	▲	0	◀▶	-2	▼	-34	-33	-29	-23	-17

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





